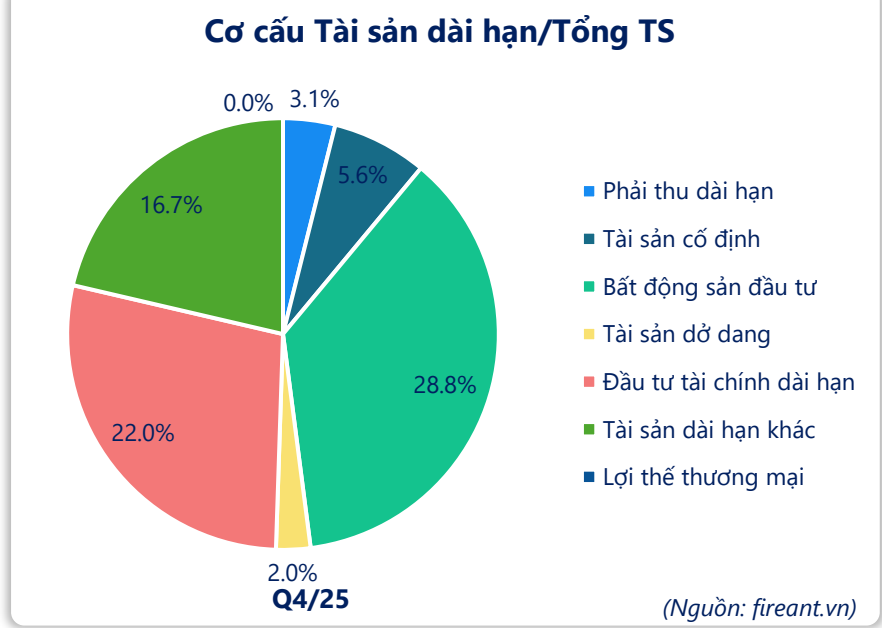
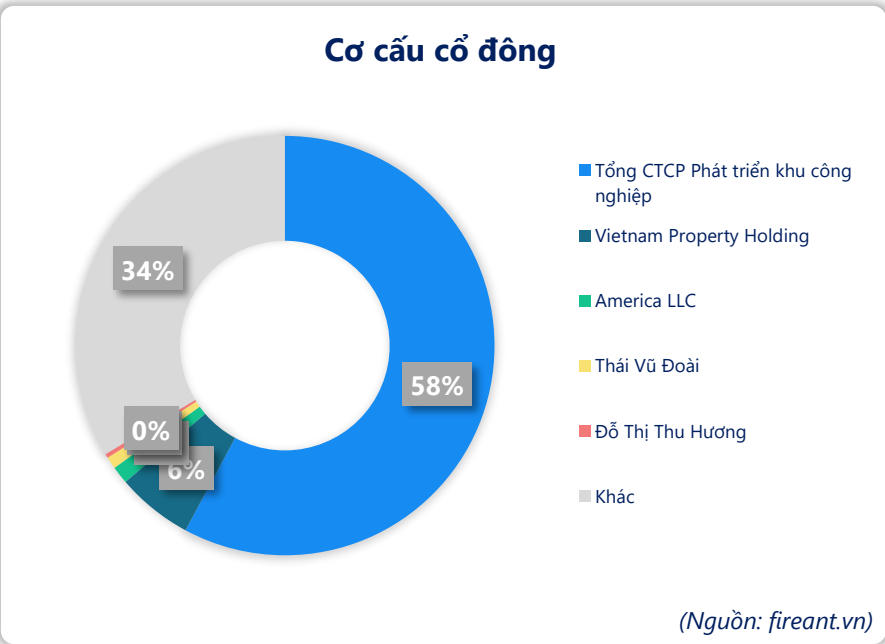
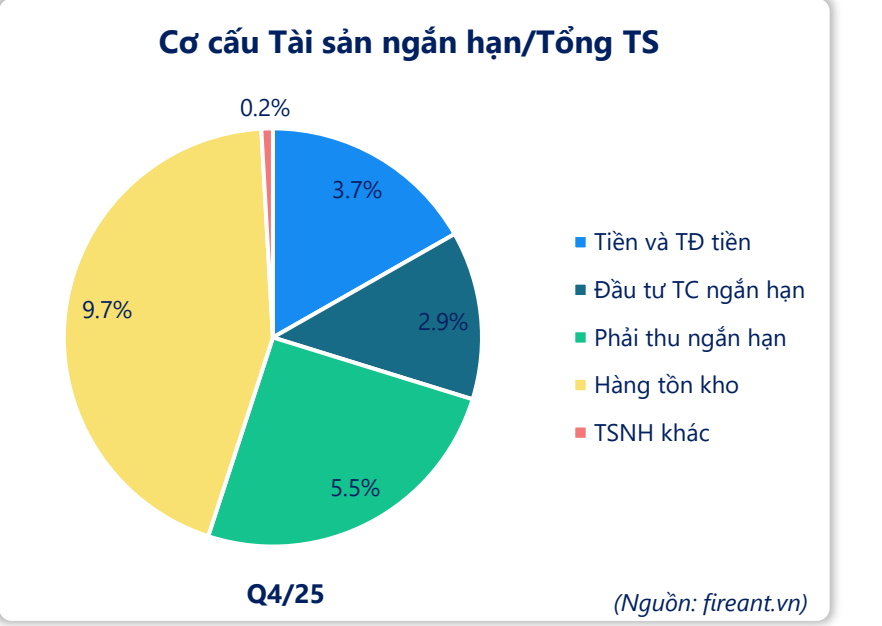
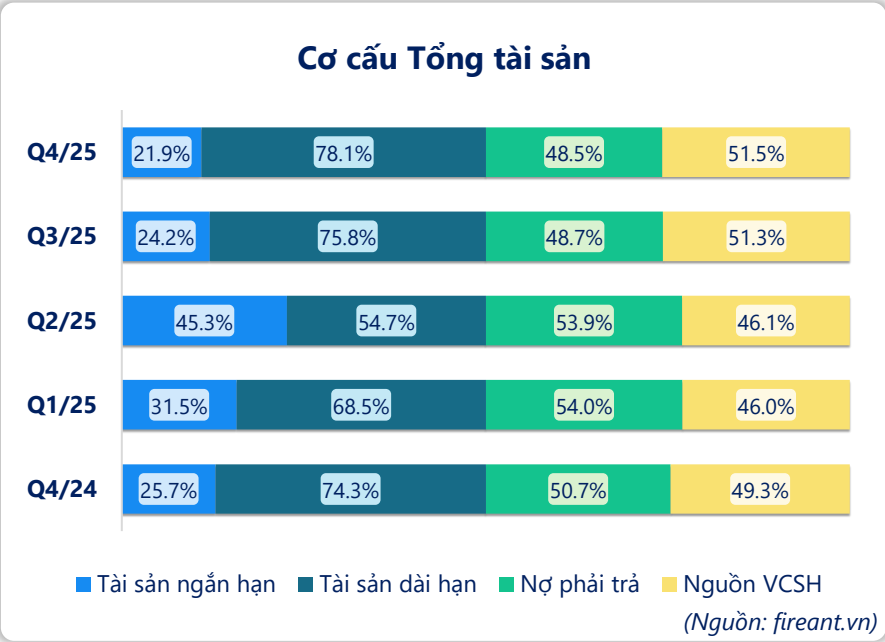
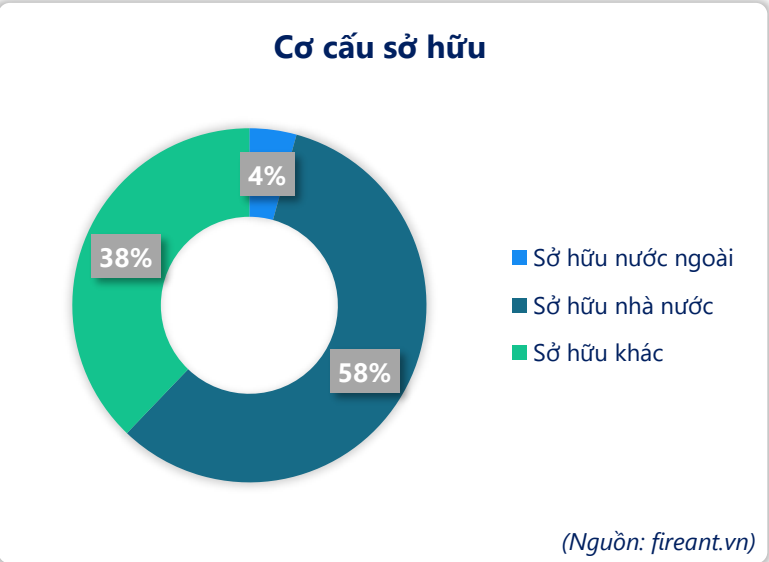
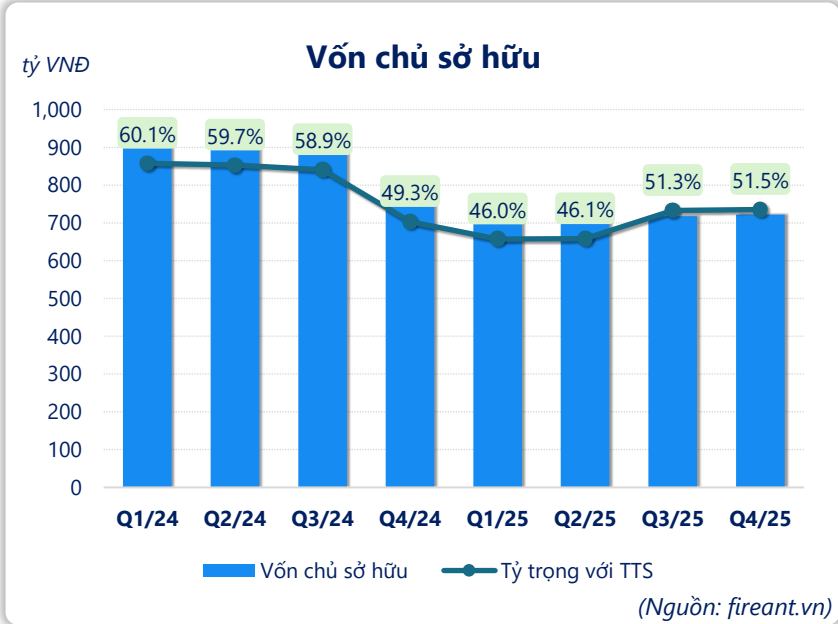
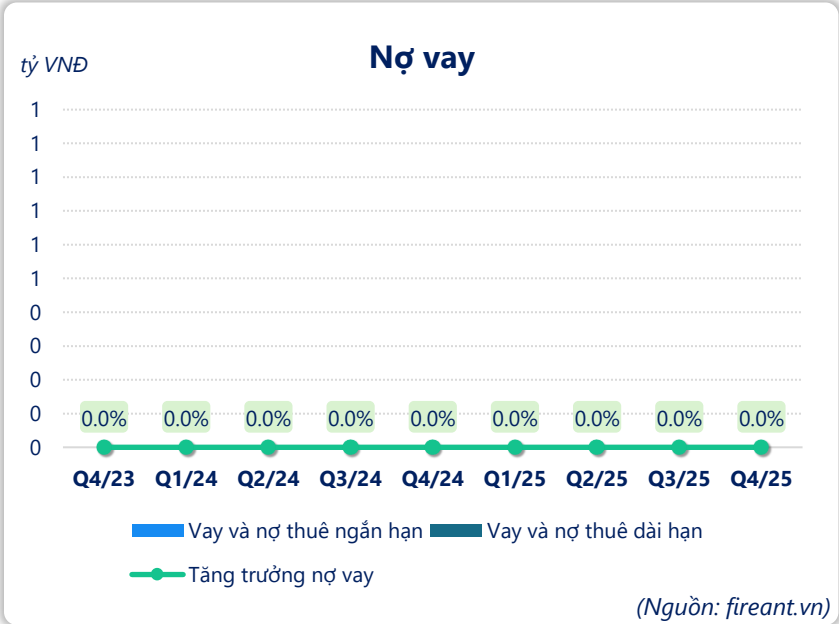
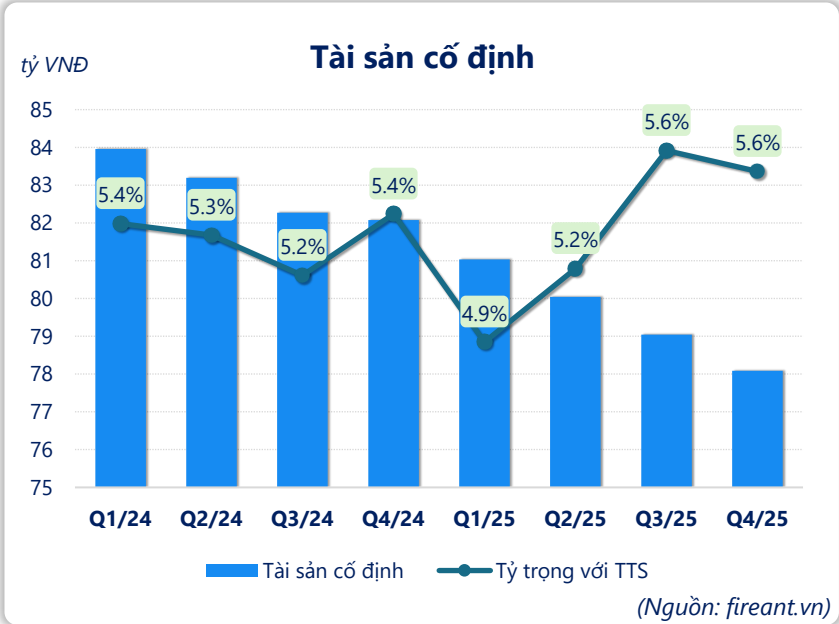
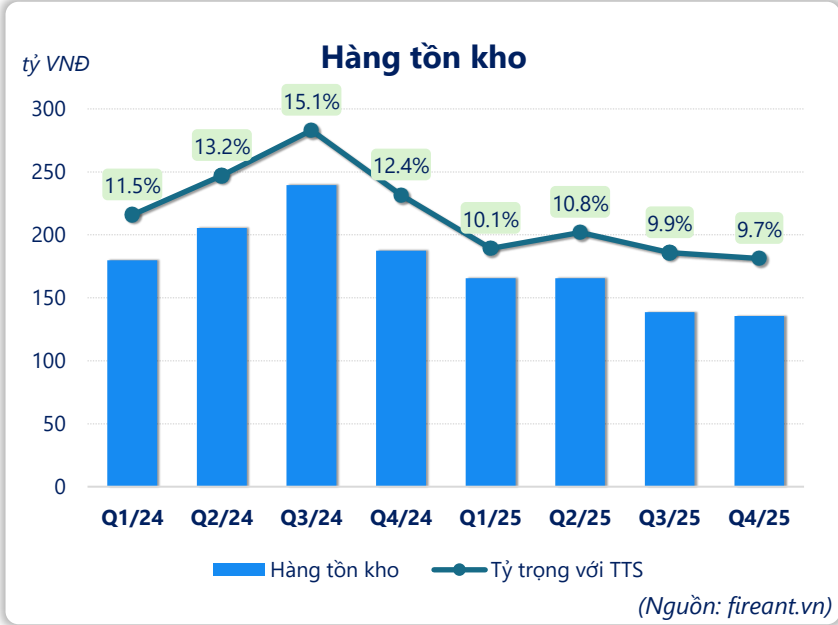
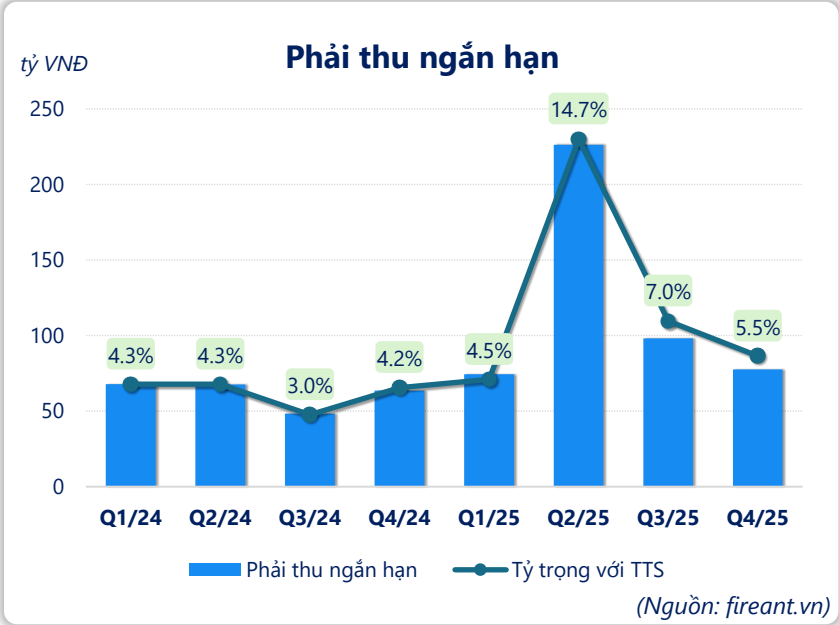
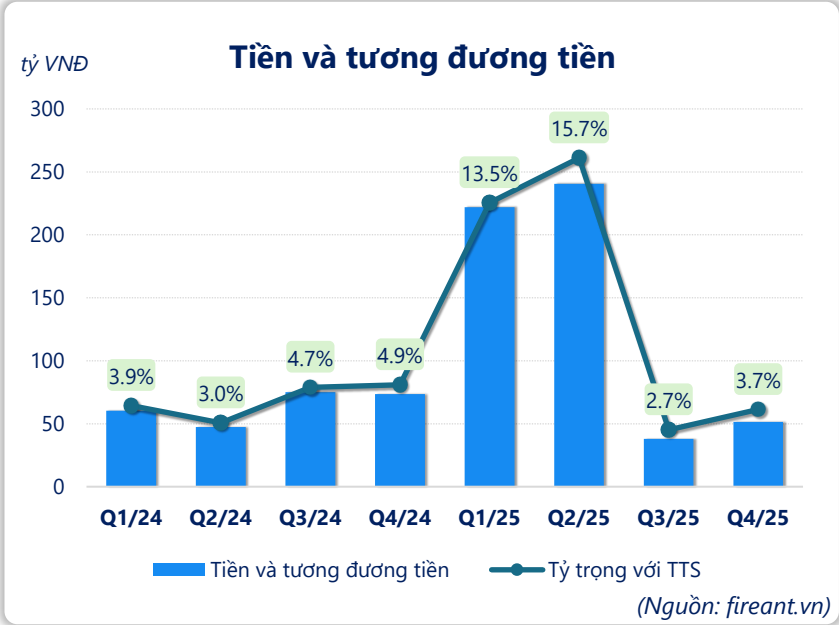
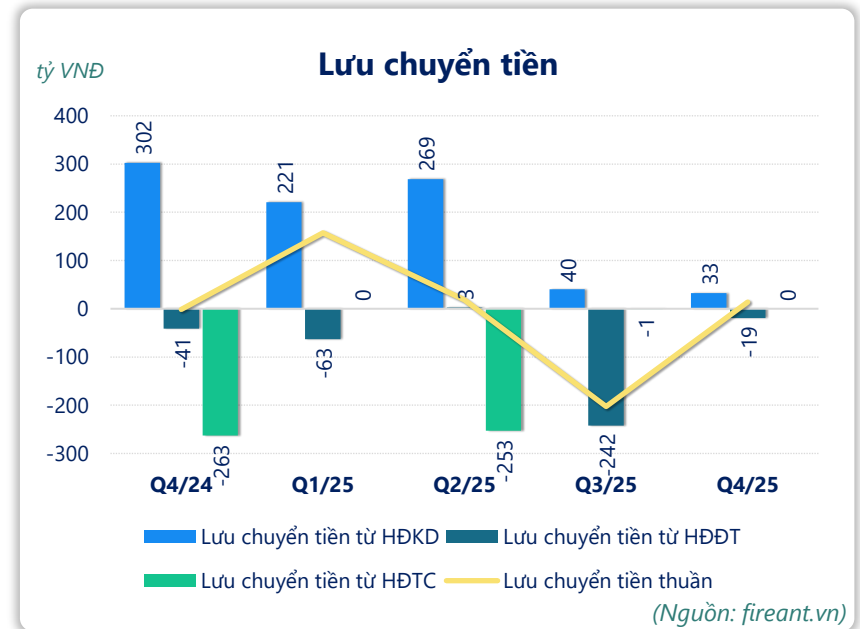
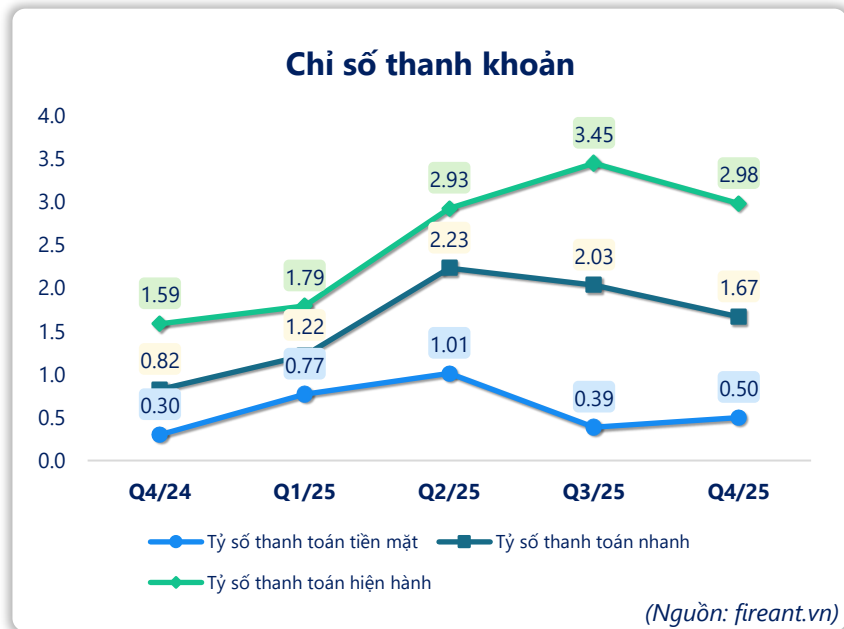
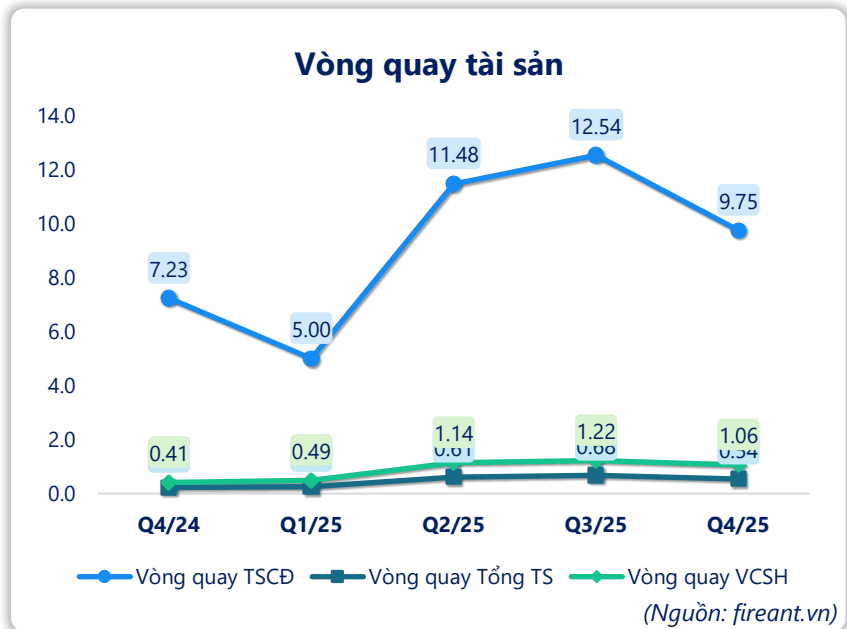
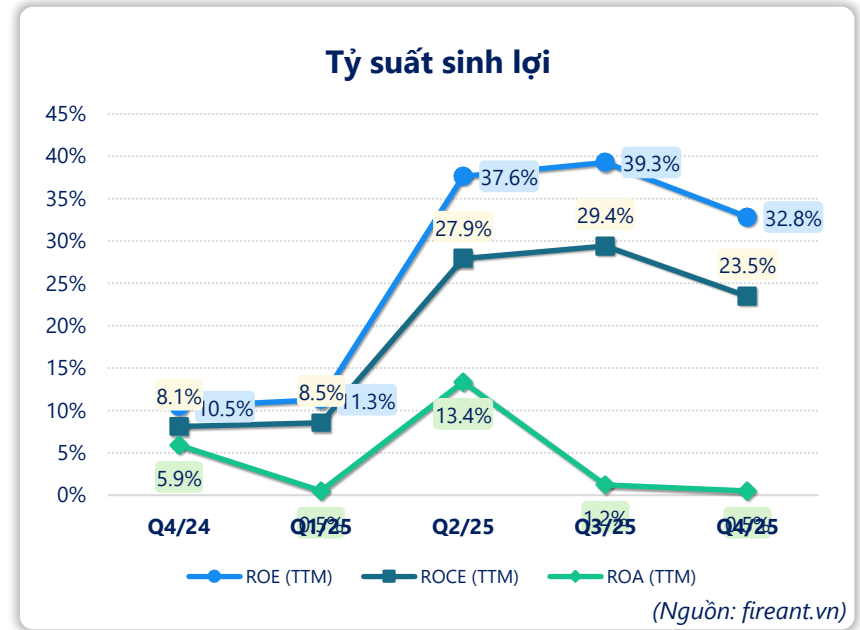
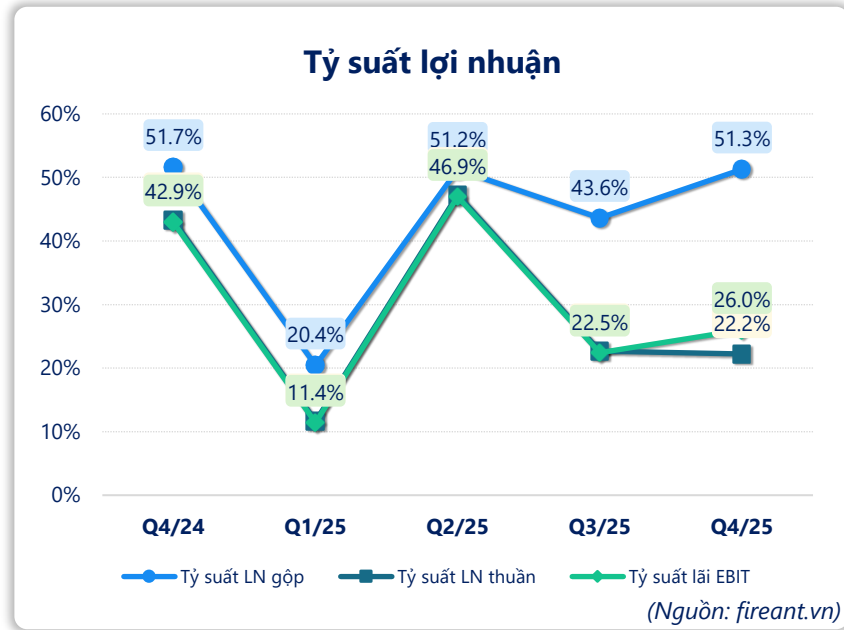
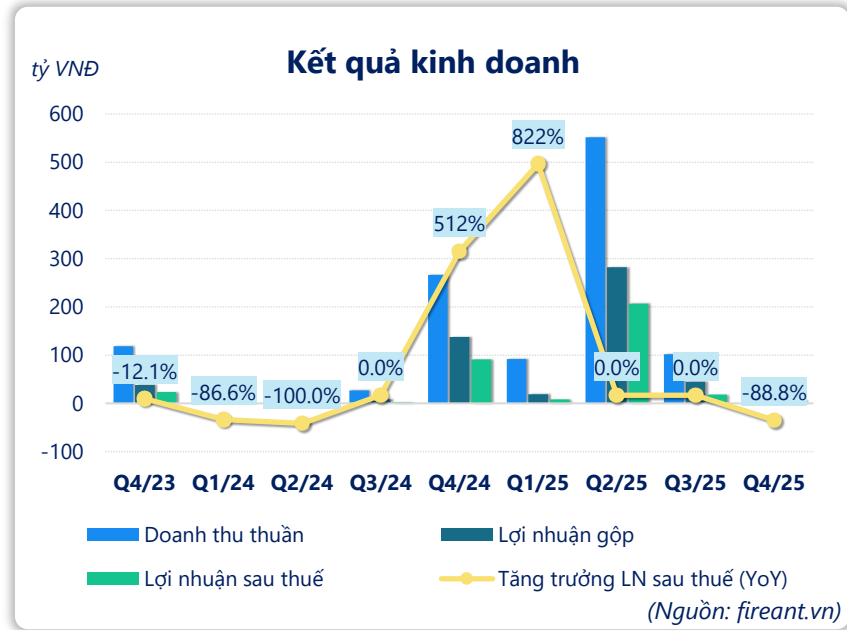


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,351
SL cổ phiếu LH		30,259,742
KLGD BQ 20 phiên (CP)		39,755
% sở hữu nước ngoài		4.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,065
P/E		4.4
EPS		7,967

	YTD	1T	3T	6T
D2D	37.7%	-0.8%	-2.9%	1.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,402	1,516	-7.5%
Tài sản ngắn hạn	307	390	-21.2%
Tiền và tương đương tiền	51.5	64.6	-20.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	32.5	23.1%
Phải thu ngắn hạn	77.5	63.7	21.7%
Hàng tồn kho	135	187	-27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.73	41.9	-93.5%
Tài sản dài hạn	1,095	1,126	-2.8%
Phải thu dài hạn	42.8	11.1	287%
Tài sản cố định	78.1	82.1	-4.9%
Bất động sản đầu tư	404	343	17.7%
Tài sản dở dang	28.2	17.6	59.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	308	84.7	263%
Tài sản dài hạn khác	234	588	-60.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	680	769	-11.6%
Nợ ngắn hạn	103	246	-58.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	8.73	12.0	-27.5%
Nợ dài hạn	577	524	10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	722	747	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	722	747	-3.3%
Vốn điều lệ	303	303	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	266	92.0	552	102	35.8
Giá vốn hàng bán	129	73.2	269	57.3	17.5
Lợi nhuận gộp	138	18.8	282	44.3	18.4
Doanh thu HĐTC	0.48	1.06	2.47	1.63	1.12
Chi phí TC	0.11	0	-3.25	0	0.91
Chi phí lãi vay	0.98	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	22.7	9.15	27.5	22.9	10.6
LN thuần từ HĐKD	115	10.7	261	23.0	7.96
Lợi nhuận khác	-1.92	-0.20	-1.76	-0.23	1.36
LN trước thuế	113	10.5	259	22.8	9.32
Lợi nhuận sau thuế	90.9	8.31	207	18.3	7.65
LNST của CĐ cty mẹ	90.9	8.31	207	18.3	7.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	302	221	269	40.1	32.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.3	-63.4	2.71	-242	-19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-263	0	-253	-0.80	0
Tiền đầu kỳ	75.2	64.6	222	241	37.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.56	157	18.6	-203	13.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	73.6	222	241	37.9	51.5

(Nguồn: fireant.vn)